

Bản án số: 1077/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/9/2017  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Rỹ
2. Bà Lý Ngọc Mạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà L, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Đường H, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông N, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Đường H, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 02 năm 2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà L trình bày: Bà và ông N chung sống với nhau vào năm 1983, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, mặc dù ông bà đã cố gắng hòa giải nhưng tình trạng không khắc phục được.

Đến năm 1989, ông N bỏ nhà đi đâu không rõ, bà đã tìm kiếm nhiều nơi và đã thông báo trên các phương tiện thông tin nhưng vẫn không có tin tức. Vì ông N biệt tích đã hai năm mà không có tin tức xác thực về việc ông N còn sống hoặc đã chết, mặc dù đã

áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm; nên bà L đã làm đơn yêu cầu tuyên bố ông N là mất tích và đã được Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất tích bằng Bản án sơ thẩm số 26/DSST ngày 12/7/2001. Nay tại Tòa, bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: bà và ông N có 01 con chung tên A sinh ngày 04/01/1984 đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông N, theo Bản án số 26/DSST ngày 12/7/2001 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyên bố ông N là mất tích đến nay đã có hiệu lực pháp luật nhưng vẫn không có tin tức gì của ông N. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến Tòa do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn - Bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn - Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy đây là vụ án tranh chấp ly hôn, do bị đơn là ông N có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Ông N đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét việc bà L và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983 có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn là hôn nhân thực tế. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia

đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Xét việc trình bày của bà L về yêu cầu ly hôn với lý do ông N đã bỏ đi đâu không rõ từ năm 1989 đến nay. Bà đã tìm kiếm và thông báo trên các phương tiện thông tin nhưng vẫn không có tin tức. Bà L đã làm đơn yêu cầu tuyên bố một người là mất tích và đã được Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố ông N mất tích bằng Bản án sơ thẩm số 26/DSST ngày 12/7/2001 đến nay bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng vẫn không có tin tức gì của ông N. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông N, thì theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn” là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung tên A sinh ngày 04/01/1984, đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 85, Khoản 2 Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc xin ly hôn ông N.
  - Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông N.
  - Về con chung: có 01 con chung tên A sinh ngày 04/01/1984, đã trưởng thành.
  - Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên không xem xét.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà L phải chịu nhưng được khấu trừ số tiền này vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba

trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0026933 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, bà L đã thi hành xong phần án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Bà L và ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Phúc**